TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Tân và bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh.

***- Thư ký phiên toà**:* Ông Nguyễn Phước Đình Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, số N đường L, xã P, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 046190005XXX, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 046085016XXX, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố Huế; vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 5 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố Huế) vào ngày 10/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống có hạnh phúc một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cải vã, đã hết tình cảm với nhau. Chị Th có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Tr không nghe. Từ cuối năm 2023, chị Th và anh Tr sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại chị Th và anh Tr không còn cuộc sống chung của vợ chồng, đã ăn uống riêng, tự ai lo nấy, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay

chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Kim Ly N, sinh ngày 18/02/2016 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/6/2022. Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 người con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Nguyễn Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; bản sao căn cước công dân của Nguyễn Thị Th.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Văn Tr về việc chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định anh Tr không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Tr đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 22/7/2025 và ngày 30/7/2025, gia đình anh Nguyễn Văn Tr cho biết, bị đơn có nơi thường trú tại thôn B, xã H, thành phố Huế. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án và giao lại cho anh Nguyễn Văn Tr nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa ngày 20/8/2025, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16/9/2025, đồng thời tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th. Về án phí đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố Huế) vào ngày 10/10/2014, trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vả, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Từ cuối năm 2023, chị Th và anh Tr đã sống ly thân. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th giao 02 người con chung là Nguyễn Kim Ly N, sinh ngày 18/02/2016 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/6/2022 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là chính đáng, phù hợp với thực tế vì hiện nay cháu Ly N và cháu D đang do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã giải thích cho chị Th rõ về các quy định của Luật Hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Chị Th trình bày chị có công việc ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 người con chung là Nguyễn Kim Ly N, sinh ngày 18/02/2016 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/6/2022 cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000233 ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế, thành phố Huế. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4-Huế;
- Đương sự;
- UBND xã H*(ĐKKH ngày 10/10/2014)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú